

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Đức;

Ông Nguyễn Đình Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Thanh P**, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: số I, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Vương Văn P1**, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Nhà trọ bà **Trần H**, đường N, Khu Công nghiệp B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Thanh P** trình bày:

Về hôn nhân: chị P và anh Vương Văn P1 có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sinh sống và làm việc tại Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không được. Từ giữa năm 2018 đến nay, chị P và anh P1 không còn chung sống với nhau. Nay chị P không còn tình cảm với anh P1 nên yêu cầu được ly hôn với anh P1.

Về nuôi con chung: quá trình chung sống, chị P và anh P1 có một con chung tên Vương Phạm Thảo M, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2015, cháu M đang sống cùng chị P. Chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị P và anh P1 không có tài sản chung và nợ chung nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09 tháng 5 năm 2024, bị đơn anh Vương Văn P1 trình bày:

Về hôn nhân: anh P1 và chị P quen biết, tìm hiểu, yêu nhau được khoảng một năm thì kết hôn, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay tranh cãi, lâu ngày dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thương yêu, chăm sóc nhau. Năm 2021, anh P1 đến huyện B sinh sống và làm việc đến nay. Anh P1 và chị P không sống chung từ năm 2018 đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh P1 đồng ý.

Về nuôi con chung: anh P1 và chị P có một con chung là cháu V Phạm Thảo M, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2015, hiện cháu M đang sống cùng chị P. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng, anh P1 đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: anh P1 và chị P không có tài sản chung và nợ chung nên anh P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị **P** và bị đơn anh **P1** vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị **P** và anh **P1** là hôn nhân hợp pháp. Chị **P** và anh **P1** đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2018 đến nay, chị **P** và anh **P1** đã không còn sống chung với nhau. Vì vậy, chị **P** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **P1** theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trên cơ sở lời thừa nhận cũng như nơi sinh sống hiện nay của chị **P** và anh **P1**, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, chị **P** và anh **P1** là vợ chồng nhưng đã không sống chung với nhau trong một khoảng thời gian rất dài từ năm 2018 đến nay là sáu năm; vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị **P** yêu cầu ly hôn, anh **P1** đồng ý.

Xét thấy, hôn nhân của chị **P** và anh **P1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho chị **P** và anh **P1** ly hôn.

Về nuôi con chung:

Chị **P** và anh **P1** có một con chung Vương **Phạm Thảo M**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2015, chị **P** yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **P1** cấp dưỡng nuôi con, anh **P1** đồng ý giao cháu **M** cho chị **P** nuôi. Xét cháu **M** đang sống cùng chị **P**; cháu **M** hơn 08 tuổi và có nguyện vọng ở với chị **P**; công việc, thu nhập hàng tháng của chị **P** ổn định. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **P**, anh **P1** có trách nhiệm giao cháu **M** cho chị **P** trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị **P** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **P1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị **P** và anh **P1** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị **P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Thanh P** đối với anh **Vương Văn P1** về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho chị **Phạm Thị Thanh P** ly hôn anh **Vương Văn P1**.

Về nuôi con chung:

Anh **Vương Văn P1** có trách nhiệm giao con chung tên **Vương Phạm Thảo M**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2015 cho chị **Phạm Thị Thanh P** trực tiếp nuôi. Chị **Phạm Thị Thanh P** không yêu cầu anh **Vương Văn P1** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Vương Văn P1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: chị **Phạm Thị Thanh P** và anh **Vương Văn P1** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị **Phạm Thị Thanh P** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Phạm Thị Thanh P** đã nộp theo biên lai số AA/2023/006533 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Chị **Phạm Thị Thanh P** đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Bà Rịa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bà Rịa;
- UBND xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;  
(Giấy CNKH số 73, đăng ký ngày 11/10/2016);
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**Huỳnh Kim Xuyên**